

BÁO CÁO

**Tổng kết 10 năm thực hiện đào tạo nghề cho lao động
nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009
của Thủ tướng Chính phủ trong xây dựng nông thôn mới**

Căn cứ Công văn số 1735/SLĐTBOXH-GDNN ngày 08/7/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Khánh Hòa về việc hướng dẫn báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong xây dựng nông thôn mới.

UBND huyện Khánh Sơn báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ trong xây dựng nông thôn mới, với những nội dung như sau:

Phần thứ nhất

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG
THÔN TỪ NĂM 2010 ĐẾN NAY**

I. MỘT SỐ THÔNG TIN CHUNG

1. Điều kiện hiện tại

- Tổng diện tích của huyện Khánh Sơn là: 33.802 ha, số đơn vị hành chính là: 07 xã và 01 thị trấn.

- Dân số của huyện (Cuối năm 2018) là: 25.445 người; số người trong độ tuổi lao động (Cuối năm 2018): 12.322 người.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (Trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề) năm 2017, 2018 và mục tiêu đến năm 2020.

Năm 2017 tỷ lệ lao động qua đào tạo: 61% (Trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề: 48,05%);

Năm 2018 tỷ lệ lao động qua đào tạo: 64,17% (Trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề: 51,5%).

Mục tiêu đến năm 2020 tỷ lệ lao động qua đào tạo: 65% (Trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề: 52%).

- Tổng số cơ sở tham gia hoạt động GDNN trên địa bàn: 01 cơ sở công lập, là Trường Trung cấp nghề dân tộc nội trú huyện Khánh Sơn.

2. Mục tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2010-2015 và 2016-2020

Mục tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2010-2015 và 2016-2020 trên địa bàn huyện sẽ đào tạo nghề cho 2.500 lao động.



II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU CỦA ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2010-2015 VÀ 2016-2018, 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019, ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2019 VÀ DỰ KIẾN NĂM 2020.

1. Kết quả, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn

1.1. Kết quả

Trong 10 năm (2010-2019), tổng số lao động nông thôn được học nghề theo chính sách Đề án 1956 là 1.807 người. Trong đó, số lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề thuộc nhóm đối tượng 1 là: 1.756 người, nhóm đối tượng 2 là: 03 người, nhóm đối tượng 3 là: 48 người.

- Số lao động nông thôn học nghề nông nghiệp: 651 người;
- Số lao động nông thôn học nghề phi nông nghiệp: 1.156 người.

1.2. Hiệu quả

Số lao động nông thôn có việc làm sau học nghề trong 10 năm (2010-2019) là 1.519 người. Trong đó:

- Số lao động nông thôn được doanh nghiệp/đơn vị tuyển dụng là: 574 người;
- Số lao động nông thôn tự tạo việc làm là: 945 người.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã

- Năm 2011, 2012 không có cán bộ, công chức xã được đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án 1956;

- Năm 2013, số cán bộ, công chức xã được đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án là 24 người (gồm: Lớp Văn hóa - Xã hội có 07 người; lớp Tư pháp - Hộ tịch có 06 người; lớp Văn phòng - Thống kê có 06 người và lớp Chỉ huy trưởng quân sự xã có 05 người);

- Năm 2014, số cán bộ, công chức xã được đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án là 153 người (gồm 02 lớp: Lớp bồi dưỡng về tin học cho 122 người và lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho 31 người);

- Năm 2015, số cán bộ, công chức xã được đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án là 39 người (Lớp Bồi dưỡng chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã có 04 người; lớp Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về địa chính, môi trường cho công chức xã có 02 người; lớp học Tiếng Raglay có 33 người);

- Năm 2016, số cán bộ, công chức xã được đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án là 29 người (Lớp Bồi dưỡng chức danh Chủ tịch UBMTTQVN: 05 người, Lớp Bồi dưỡng chức danh Bí thư và Phó Bí thư: 06 người, Lớp Bồi dưỡng chức danh Bí thư đoàn: 05 người, Lớp Bồi dưỡng chức danh Chủ tịch HĐND: 03, Lớp Bồi dưỡng chức danh Chủ tịch Hội LHPN: 07 và Lớp Bồi dưỡng chức danh Chủ tịch Hội Nông dân: 03 người)

- Năm 2017, số cán bộ, công chức xã được đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án là 06 người (Lớp Bồi dưỡng chức danh Bí thư và Phó Bí thư: 04 người, Lớp Bồi dưỡng chức danh Văn phòng: 02 người);

- Năm 2018, số cán bộ, công chức xã được đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án là 41 người (Lớp Bồi dưỡng Tài chính - Kế toán: 02 người, lớp Bồi dưỡng Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng: 05 người và lớp Bồi dưỡng Quản lý nhà nước ngạch cán sự: 34 người);

- 6 tháng đầu năm 2019, chưa có cán bộ, công chức xã được đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án.

3. Nguồn lực thực hiện

Tổng kinh phí bố trí cho các hoạt động của Đề án trong 10 năm (2010-2019) là 3.756.322.800 đồng. Trong đó:

- Kinh phí tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động nông thôn: 18.100.000 đồng;

- Kinh phí hỗ trợ lao động nông thôn học nghề: 3.713.080.000 đồng;

- Kinh phí giám sát đánh giá tình hình thực hiện Đề án: 25.142.800 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2010-2015 VÀ 2016-2018, 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019, ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2019 VÀ DỰ KIẾN NĂM 2020.

1. Về công tác kiện toàn bộ máy chỉ đạo, điều hành và triển khai thực hiện

1.1. Kiện toàn Ban chỉ đạo

Ban chỉ đạo thực hiện Đề án cấp huyện được thành lập theo Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 của UBND huyện Khánh Sơn. Ban chỉ đạo thực hiện Đề án cấp huyện thường xuyên được kiện toàn khi có sự thay đổi về thành viên. Trên địa bàn huyện đã có 08/08 xã, thị trấn thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án.

Mục tiêu trong công tác chỉ đạo, điều hành của Ban chỉ đạo cấp huyện là đào tạo nghề phải chú trọng đến chất lượng đào tạo, trước khi đào tạo phải xác định được nơi làm việc và mức thu nhập. Giữa Ban chỉ đạo cấp huyện với Ban chỉ đạo các xã luôn có sự phối hợp đồng bộ.

1.2. Rà soát, phê duyệt danh mục nghề đào tạo, định mức chi phí đào tạo

Danh mục nghề đào tạo, định mức chi phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện được thực hiện theo các văn bản quy định của UBND tỉnh Khánh Hòa. Tại thời điểm báo cáo đang thực hiện theo Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa, về Ban hành danh mục nghề đào tạo, mức chi phí đào tạo và mức hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề hàng năm và 5 năm giai đoạn (2010-2015; 2016-2020)

UBND huyện đã xây dựng kế hoạch đào tạo nghề hàng năm và 5 năm giai đoạn (2010-2015; 2016-2020) sau khi có văn bản hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Khánh Hòa.

Kế hoạch đào tạo nghề được xây dựng dựa trên định hướng phát triển kinh - xã hội, thực tiễn về nguồn lực lượng lao động của địa phương và nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp.

1.4. Văn bản chỉ đạo, điều hành về đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Đảng bộ, chính quyền huyện cùng với sự quan tâm của UBND tỉnh Khánh Hòa, các Sở, ban, ngành liên quan. UBND huyện Khánh Sơn thường xuyên bám sát các hoạt động để chỉ đạo các phòng liên quan và UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020.

Trong 10 năm (2010-2019), UBND huyện Khánh Sơn đã ban hành một số văn bản:

- Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 về việc Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 huyện Khánh Sơn”;

- Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 05/8/2010 về việc thành lập Tổ xây dựng Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

- Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 30/6/2011 phê duyệt Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 huyện Khánh Sơn;

- Công văn số 195/UBND-LĐTĐBXH Ngày 09/4/2013 về việc triển khai Thông tư liên tịch số 30/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BNN&PTNT-BCT-BTTTT gửi các cơ quan chuyên môn và UBND các xã thực hiện;

- Các Quyết định của UBND huyện về việc phê duyệt kế hoạch đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn hằng năm theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn.

1.5. Số cơ sở tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện.

Số cơ sở tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện từ năm 2011 đến năm 2019 là 05 cơ sở. Trong đó:

- Trường Trung cấp: 02 cơ sở;

- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp: 03 cơ sở.

2. Việc thực hiện các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn

2.1. Điều tra, khảo sát, phê duyệt danh mục đào tạo nghề nghiệp, phê duyệt định mức chi phí đào tạo nghề nghiệp.

Nhu cầu của người học và nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp thường xuyên thay đổi nên khi triển khai kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện hằng năm gặp phải không ít khó khăn. Vì thế, Ban chỉ đạo Đề án huyện đã chỉ đạo các phòng chuyên môn phải phối hợp với UBND các xã, thị trấn

tiến hành công tác điều tra, khảo sát để dự báo nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn phù hợp với nhu cầu của người học, yêu cầu phát triển KT-XH của địa phương và nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp. Không tổ chức dạy nghề khi chưa dự báo được nơi làm việc và mức thu nhập của lao động sau khi học nghề.

Hiện nay, với 62 nghề có chương trình đào tạo đầy đủ, đã đáp ứng nhu cầu của người học, yêu cầu phát triển KT-XH của địa phương và nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp.

2.2. Tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Công tác tuyên truyền được tiến hành thường xuyên, thông qua nhiều hình thức như tiến hành phát tờ rơi, thông báo bằng văn bản và trên phương tiện thông tin đại chúng về chiêu sinh các lớp đào tạo nghề, nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp. Năm 2016, Phòng Lao động - TB&XH đã xây dựng 01 pa nô tuyên truyền về đào tạo nghề theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ đặt tại UBND xã Sơn Trung với giá trị là 9.000.000 đồng. Đặt 32 cái băng rôn tuyên truyền với giá trị là 9.100.000 đồng sử dụng từ nguồn kinh phí tuyên truyền được UBND tỉnh Khánh Hòa giao.

3.3. Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề

- Hằng năm, đội ngũ giáo viên của Trường trung cấp nghề dân tộc nội trú huyện Khánh Sơn đã được cử đi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy nghề và kỹ năng dạy học;

- Tại Phòng Lao động - TB&XH huyện đã bố trí 01 chuyên viên kiêm nhiệm phụ trách quản lý và theo dõi trong lĩnh vực dạy nghề. Cán bộ quản lý dạy nghề ở cấp huyện và cán bộ theo dõi công tác dạy nghề cho lao động nông thôn ở cấp xã thường xuyên được bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý, tư vấn học nghề, tìm việc làm cho lao động nông thôn.

3.4. Kết quả thực hiện các chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Các chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện được triển khai theo đúng quy định của Nhà nước, chế độ hỗ trợ học nghề cho lao động nông thôn được thực hiện đầy đủ.

3.5. Kiểm tra, giám sát

Việc kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Đề án trên địa bàn huyện được tiến hành thường xuyên, mỗi lớp từ 4 đến 5 lần.

Qua các đợt kiểm tra, giám sát để đánh giá, theo dõi cũng như đôn đốc việc đào tạo nghề trên địa bàn đạt kết quả cao.

4. Về kết quả thực hiện đối với từng tiêu chí nông thôn mới

Kết quả đạt được về số lượng, tỷ lệ năm 2017, 2018 và dự kiến giai đoạn 2019-2020 về tiêu chí số 14.3 “Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo” trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện, cụ thể:

- Năm 2017, “Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo” là: 55,42%;

- Năm 2018, “Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo” là: 55,43%;

- Dự kiến giai đoạn 2019-2020, “Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo” là: 56%.

Tính đến cuối năm 2018, trên địa bàn huyện có 6/7 xã đã đạt về tiêu chí số 14.3 “Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo”, còn 01 xã Thành Sơn chưa đạt (10,4%, yêu cầu của tiêu chí là phải đạt trên 25%).

IV. ĐÁNH GIÁ NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN; ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Công tác dạy nghề cho lao động nông thôn luôn được sự quan tâm, phối hợp giữa các cơ quan liên quan, đoàn thể và UBND các xã, thị trấn.

2. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, bất cập đối với việc thực hiện các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn

2.1. Công tác tuyên truyền, vận động, truyền thông về đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Công tác tuyên truyền được thực hiện sâu rộng trên phương tiện thông tin đại chúng, pa nô, băng rôn, tờ rơi về các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với đào tạo nghề cũng như về vai trò, vị trí của đào tạo nghề đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Kết quả triển khai hoạt động tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm cho lao động nông thôn đã góp phần nâng cao nhận thức của các cấp uỷ đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và người dân về vị trí chiến lược của phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; vai trò của công tác dạy nghề trong việc nâng cao chất lượng lao động nông thôn, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập và tạo thêm việc làm.

2.2. Triển khai đào tạo nghề cho lao động nông thôn

- Thuận lợi:

Các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là lao động nông thôn đã thấy được vai trò của đào tạo nghề đối với việc tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn.

Lao động nông thôn học xong các lớp nghề đã có kỹ năng nghề, áp dụng những kiến thức được học vào sản xuất, chuyển đổi nghề nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế, có thu nhập ổn định và góp phần thoát nghèo trên địa bàn.

- Khó khăn:

Chuyên viên phụ trách quản lý và theo dõi trong lĩnh vực dạy nghề còn phải kiêm nhiệm các mảng khác tại Phòng Lao động - TB&XH huyện, số lượng công việc nhiều nên đã gặp phải khó khăn trong công tác quản lý đào tạo nghề trên địa bàn huyện.

Một số lao động nông thôn vẫn chưa nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc học nghề và tâm lý muốn tham gia lao động phổ thông để có thu nhập ngay nhưng không tốn nhiều thời gian học nghề nên chưa chủ động đăng ký học nghề.

Các lớp dạy nghề cho lao động nông thôn thường phải thực hiện linh hoạt phù hợp với thời gian của người lao động, địa điểm dạy nghề phải gần nơi cư trú của họ, do đó công tác quản lý gặp nhiều khó khăn.

V. TỔNG KẾT MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Trong 10 năm thực hiện Đề án 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, UBND huyện Khánh Sơn rút ra được một số bài học kinh nghiệm sau:

Thứ nhất, tăng cường công tác tuyên truyền về chế độ, chính sách dạy nghề. Đa dạng về hình thức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người lao động, để họ thấy được tầm quan trọng của việc học nghề gắn với việc làm và tăng thu nhập.

Thứ hai, các cơ quan, ban ngành ở địa phương, các doanh nghiệp phải vào cuộc, có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ với nhau.

Thứ ba, lãnh đạo UBND các xã cần quan tâm chỉ đạo thực hiện, kiểm tra, đôn đốc việc học nghề trên địa bàn mình quản lý; bố trí và sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, viên chức một cách khoa học để theo dõi công tác dạy nghề và kịp thời tham mưu cho lãnh đạo trong việc triển khai Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019-2020

I. MỤC TIÊU PHẤN ĐÁU NĂM 2019-2020

1. Chỉ tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Dự kiến 02 năm (2019-2020) tổng số lao động nông thôn được học nghề theo chính sách Đề án 1956 là 653 người, trong đó, số lao động học nghề nông nghiệp là: 163 người và học nghề phi nông nghiệp là: 490 người.

2. Phát triển ngành, nghề đào tạo gắn với quy hoạch, chiến lược của địa phương

Trong thời gian tới UBND huyện sẽ tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tổ chức đào tạo nghề gắn với quy hoạch, chiến lược của địa phương. Tập trung đào tạo ở một số ngành, nghề như: May, Xây dựng, Trồng cây ăn quả, Kỹ thuật trồng cây công nghiệp.

3. Chỉ tiêu thực hiện Tiêu chí 14.3 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

Phấn đấu đến năm 2020 sẽ có 7/7 xã đạt Tiêu chí 14.3 “Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo” trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG TRỌNG TÂM THỰC HIỆN TRONG NĂM 2019-2020

- Tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy đảng về đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Đề án 1956;

- Tuyên truyền về chế độ, chính sách dạy nghề và đa dạng về hình thức để nhân dân biết về tầm quan trọng của đào tạo nghề;

- Phấn đấu đến năm 2020 trên địa bàn huyện sẽ đào tạo nghề cho 2.500 lao động và số lao động có việc làm sau đào tạo đạt trên 80%;

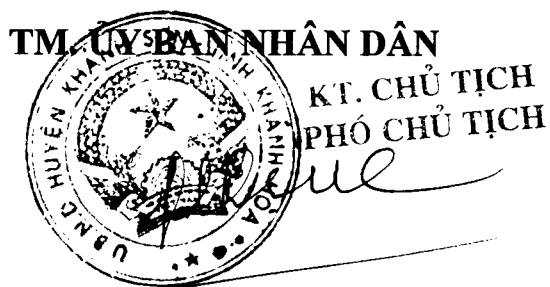
- Kết nối với các doanh nghiệp để tuyển dụng lao động sau đào tạo.

Trên đây, là báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Khánh Sơn./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động - TB&XH Khánh Hòa (VBĐT);

- Lưu: VT, LĐTBXH. *lsh*



Phan Văn Sửu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ DẠY NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN
(Kèm theo Báo cáo số 47/BC-UBND ngày 17/2019 của UBND huyện Khánh Sơn)

ĐVT: Người

TT	Tên nghề đào tạo cho LĐNT	Số người có nhu cầu học nghề	Số người LĐNT được học nghề Đề án 1956						Hiệu quả sau học nghề											
			Tổng số	Đối tượng I				Đối tượng II	Đối tượng III	Tổng số người đã học xong	Tổng số người có việc làm	Được DN/Đơn vị tuyển dụng	Được DN/Đơn vị bao tiêu sản phẩm	Tự tạo việc làm	Thành lập tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp	Thuộc hộ thoát nghèo	Số người có thu nhập khá			
				Người được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng	Người dân tộc thiểu số	Người thuộc hộ nghèo	Người thuộc hộ bị thu hồi đất											Người khuyết tật	Người thuộc hộ cận nghèo	LDNT khác
(1)	(2)	(3)	(4)=(6)+(7)+(8)+(9)+(10)+(11)+(12)+(13)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(16)+(17)+(18)+(19)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
A	Năm 2016	222	192	141	0	130	60	0	0	0	0	2	192	166	62	0	104	0	0	0
I	Nghề nông nghiệp																			
1	Kỹ thuật trồng cây công nghiệp	30	28	19	0	28	0	0	0	0	0	0	28	28	0	0	28	0	0	0
	Tổng cộng I: 01 nghề	30	28	19	0	28	0	0	0	0	0	0	28	28	0	0	28	0	0	0

TT	Tên nghề đào tạo cho LĐNT	Số người có nhu cầu học nghề	Số người LĐNT được học nghề Đề án 1956					Hiệu quả sau học nghề											
			Tổng số Nữ	Đối tượng I				Đối tượng II	Đối tượng III	Tổng số người đã học xong	Tổng số người có việc làm	Được DN/Đơn vị tuyển dụng	Được DN/Đơn vị bao tiêu sản phẩm	Tự tạo việc làm	Thành lập tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp	Thuộc hộ thoát nghèo	Số người có thu nhập khá		
				Người được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng	Người dân tộc thiểu số	Người thuộc hộ nghèo	Người thuộc hộ bị thu hồi đất											Người khuyết tật	Người thuộc hộ cận nghèo
(1)	(2)	(3)	(4)=(6)+(7)+(8)+(9)+(10)+(11)+(12)+(13)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(16)+(17)+(18)+(19)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
II Nghề phi nông nghiệp																			
1	May	91	78	72	0	56	22	0	0	0	0	0	78	52	0	0	0	0	0
2	Xây dựng nề	50	36	0	0	21	14	0	0	0	0	1	36	0	0	36	0	0	0
3	Nấu ăn	51	50	50	0	25	24	0	0	0	1	50	50	10	0	40	0	0	0
Tổng số II: 03 nghề		192	164	122	0	102	60	0	0	0	2	164	138	62	0	76	0	0	0
B Năm 2017		348	316	222	0	267	46	0	0	0	3	316	301	99	0	202	0	0	0
I Nghề nông nghiệp																			
1	Kỹ thuật trồng cây công nghiệp	35	35	31	0	35	0	0	0	0	0	0	35	0	0	35	0	0	0
2	Trồng cây ăn quả	60	59	25	0	57	0	0	0	0	2	59	59	0	0	59	0	0	0
Tổng công I: 02 nghề		95	94	56	0	92	0	0	0	0	2	94	94	0	0	94	0	0	0
II Nghề phi nông nghiệp																			
1	May	99	82	82	0	42	39	0	0	0	1	82	82	82	0	0	0	0	0

TT	Tên nghề đào tạo cho LĐNT	Số người có nhu cầu học nghề	Số người LĐNT được học nghề Đề án 1956					Hiệu quả sau học nghề											
			Tổng số Nữ	Đối tượng I					Đối tượng II	Đối tượng III	Tổng số người đã học xong	Tổng số người có việc làm	Được DN/Đơn vị tuyển dụng	Được DN/Đơn vị bao sản phẩm	Tự tạo việc làm	Thành lập tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp	Thuộc hộ thoát nghèo	Số người có thu nhập khá	
				Người được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng	Người dân tộc thiểu số	Người thuộc hộ nghèo	Người thuộc hộ bị thu hồi đất	Người khuyết tật											Người thuộc hộ cận nghèo
(1)	(2)	(3)	(4)=(6)+(7)+(8)+(9)+(10)+(11)+(12)+(13)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(16)+(17)+(18)+(19)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
2	Xây dựng nề	58	55	0	0	55	0	0	0	0	0	55	50	0	0	50	0	0	0
3	Nấu ăn	65	58	58	0	51	7	0	0	0	0	58	58	0	0	58	0	0	0
4	Pha chế đồ uống	31	27	26	0	27	0	0	0	0	0	27	17	0	0	0	0	0	0
	Tổng số II: 04 nghề	253	222	166	0	175	46	0	0	0	1	222	207	99	0	108	0	0	0
C	Năm 2018	248	225	149	0	138	87	0	0	0	0	225	176	90	0	86	0	0	0
I	Nghề nông nghiệp																		
1	Trồng năm	31	25	23	0	25	0	0	0	0	0	25	25	0	0	25	0	0	0
	Tổng cộng I: 01 nghề	31	25	23	0	25	0	0	0	0	0	25	25	0	0	25	0	0	0
II	Nghề phi nông nghiệp																		
1	May	99	97	97	0	70	27	0	0	0	0	97	73	0	0	23	0	0	0
2	Xây dựng nề	88	74	0	0	34	40	0	0	0	0	74	56	0	0	31	0	0	0
3	Nấu ăn	30	29	29	0	9	20	0	0	0	0	29	22	0	0	7	0	0	0
	Tổng số II: 03 nghề	217	200	126	0	113	87	0	0	0	0	200	151	90	0	61	0	0	0

TT	Tên nghề đào tạo cho LĐNT	Số người có nhu cầu học nghề	Số người LĐNT được học nghề Đề án 1956						Hiệu quả sau học nghề												
			Tổng số Nữ	Đối tượng I					Đối tượng II	Đối tượng III	Tổng số người đã học xong	Tổng số người có việc làm	Được DN/Đơn vị tuyển dụng	Được DN/Đơn vị bao tiêu sản phẩm	Tự tạo việc làm	Thành lập tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp	Thuộc hộ thoát nghèo	Số người có thu nhập khá			
(1)	(2)	(3)	(4)=(6)+(7)+(8)+(9)+(10)+(11)+(12)+(13)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(16)+(17)+(18)+(19)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	
D	6 tháng năm 2019	128	128	93	0	0	128	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
I	Nghề nông nghiệp																				
1	Trồng cây ăn quả	58	58	23	0	0	58	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng I: 01 nghề	58	58	23	0	0	58	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Nghề phi nông nghiệp																				
1	May	70	70	70	0	0	70	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng II: 01 nghề	70	70	70	0	0	70	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng số (A+B+C+D)	946	861	605	0	663	193	0	0	0	0	5	733	643	251	0	392	0	0	0	0

**CHỈ TIÊU GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO NGHỀ CHO
LAO ĐỘNG NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2020**

(Kèm theo Báo cáo số 475/BC-UBND ngày 19/7/2019 của UBND huyện Khánh Sơn)

Tên chỉ tiêu	Hướng dẫn chỉ tiêu	Kết quả thực hiện
I. CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH	1. Công tác kiểm tra, giám sát về đào tạo nghề cho lao động nông thôn	- Tổng số đoàn kiểm tra, giám sát của địa phương (huyện) thực hiện trong kỳ báo cáo: 01 đoàn. % so với kế hoạch năm và cùng kỳ năm trước: 100%. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 09 đoàn.
	2. Danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt	- Tổng số nghề trong kỳ báo cáo: 02 nghề. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 11 nghề.
	2.1. Nghề nông nghiệp	- Số nghề trong kỳ báo cáo: + Nghề nông nghiệp: 01;
	2.2. Nghề phi nông nghiệp	+ Nghề phi nông nghiệp: 01 - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: + Nghề nông nghiệp: 06; + Nghề phi nông nghiệp: 05.
	3. Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn và đào tạo, bồi dưỡng công chức xã được phê duyệt	- Số quyết định phê duyệt trong năm báo cáo: 01. - Số lượng và tên nội dung hoạt động được bố trí kinh phí thực hiện: + Kinh phí hỗ trợ cho lao động nông thôn học nghề: 3.713.080.000 đồng; + Kinh phí kiểm tra, đánh giá: 25.142.800 đồng; + Kinh phí tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm gắn với nhu cầu xã hội và doanh nghiệp: 19.000.000 đồng.
	4. Số nghề đào tạo cho lao động nông thôn đã xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, được UBND cấp tỉnh phê duyệt	- Số nghề trong kỳ báo cáo: 02 nghề.
	5. Số nghề đào tạo cho lao động nông thôn đã xây dựng định mức chi phí đào tạo, đơn giá đặt hàng [5] được UBND cấp tỉnh phê duyệt	- Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 11 nghề.
6. Số lượng các văn bản của cấp tỉnh, các sở, ngành, địa phương hướng dẫn, chỉ đạo về đào	- Số lượng văn bản trong kỳ báo cáo: 02	

Tên chỉ tiêu	Hướng dẫn chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	
	tạo nghề cho lao động nông thôn được ban hành	- Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 16	
	7. Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề của cấp tỉnh ban hành đang áp dụng riêng tại địa phương[7]	- Số nghị quyết/quyết định ban hành trong kỳ báo cáo: 0. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 0.	
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN	8. Công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề cho lao động nông thôn	- Số lượng tin, bài, chuyên đề, phóng sự được phát trên các báo, đài, trang điện tử của các cơ quan, ban ngành địa phương trong kỳ báo cáo: 01. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 10.	
	9. Số chương trình, giáo trình được cập nhật, chỉnh sửa hoặc xây dựng mới	- Số lượng trong kỳ báo cáo. % so với kế hoạch năm và cùng kỳ năm trước: 0. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 0.	
	9.1. Số chương trình đào tạo nghề nông nghiệp	- Số lượng trong kỳ báo cáo. % so với kế hoạch năm và cùng kỳ năm trước: 0. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 0.	
	9.2. Số chương trình đào tạo nghề phi nông nghiệp		
	10. Số giáo viên/người dạy nghề được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm/ kỹ năng dạy học	- Số lượng giáo viên: 0; số lượng người dạy nghề trong kỳ báo cáo: 0. % so với kế hoạch năm và cùng kỳ năm trước: 0. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 0. So sánh với chỉ tiêu kế hoạch trong Đề án: 0.	
	11. Tổng số lao động nông thôn được tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp (Nghề phi nông nghiệp)	- Tổng số người trong kỳ báo cáo: 70 người. % so với kế hoạch năm là 25% và so với cùng kỳ năm trước là 100%. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 1.156 người. So sánh với chỉ tiêu kế hoạch trong Đề án vượt 656 người.	
	11.1. Chia theo cấp trình độ đào tạo		- Số người trong kỳ báo cáo: 70 người được tuyển sinh đào tạo dưới 3 tháng. - 25% so với tổng số lao động nông thôn được tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp (11) - 25 % so với kế hoạch năm và 100% so với cùng kỳ năm trước. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 1.156 người.
	11.1.1. Số lao động nông thôn được tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng		
	11.1.2. Số lao động nông thôn được tuyển sinh đào tạo trình độ trung cấp		
	11.1.3. Số lao động nông thôn được tuyển sinh đào tạo sơ cấp		
11.1.4. Số lao động nông thôn được tuyển sinh đào tạo dưới 3 tháng			

Tên chỉ tiêu	Hướng dẫn chỉ tiêu	Kết quả thực hiện
	<p>11.2. Tổng số lao động nông thôn được hỗ trợ đào tạo sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng theo chính sách quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg chia theo lĩnh vực</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số người trong kỳ báo cáo: 1.807 người. - % so với tổng số lao động nông thôn được tuyển sinh đào tạo sơ cấp tại mục (11.1.3), đào tạo dưới 3 tháng tại mục (11.1.4). - % so với kế hoạch năm và so với cùng kỳ năm trước. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo. So sánh với chỉ tiêu kế hoạch trong Đề án.
	<p>11.2.1. Số người được hỗ trợ học nghề nông nghiệp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Số người trong kỳ báo cáo: 70 người được hỗ trợ học nghề phi nông nghiệp, 60 người được hỗ trợ học nghề nông nghiệp.
	<p>11.2.2. Số người được hỗ trợ học nghề phi nông nghiệp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 63,97% số người được hỗ trợ học nghề phi nông nghiệp so với tổng số lao động nông thôn được hỗ trợ đào tạo sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng tại mục (11.2). - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 1.807 người. + Số người được hỗ trợ học nghề nông nghiệp: 651 người; + Số người được hỗ trợ học nghề phi nông nghiệp: 1.156 người.
	<p>11.3. Tổng số lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng chia theo đối tượng (người thuộc đối tượng nào thì thống kê tổng hợp đầy đủ theo đối tượng đó)</p>	
	<p>11.3.1. Lao động nữ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Số người trong kỳ báo cáo: 117 người dân tộc thiểu số,
	<p>11.3.2. Số người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng</p>	<ul style="list-style-type: none"> 13 người lao động nông thôn không thuộc các đối tượng nêu trên.
	<p>11.3.3. Số người dân tộc thiểu số</p>	
	<p>11.3.4. Số người thuộc hộ nghèo</p>	
	<p>11.3.5. Số người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác, đất kinh doanh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - % so với tổng số lao động nông thôn được hỗ trợ đào tạo sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng tại mục (11.2).
	<p>11.3.6. Số người khuyết tật</p>	
	<p>11.3.1. Số người thuộc hộ cận nghèo</p>	<ul style="list-style-type: none"> - % so với kế hoạch năm và so với cùng kỳ năm trước.
	<p>11.3.8. Số lao động nông thôn không thuộc các đối tượng nêu trên</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 1.807 người. + Số người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng: 02 người.

Tên chỉ tiêu	Hướng dẫn chỉ tiêu	Kết quả thực hiện
		+ Số người dân tộc thiểu số: 1.501 người. + Số người thuộc hộ nghèo: 252 người. + Số người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác, đất kinh doanh: 01 người. + Số người thuộc hộ cận nghèo: 03 người; + Số lao động nông thôn không thuộc các đối tượng nêu trên: 48 người.
	12. Tổng số cơ sở tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn	- Tổng số trong kỳ báo cáo: 02. - % so với cùng kỳ năm trước: 66,66%.
	12.1. Trường cao đẳng	- Số lượng trong kỳ báo cáo: 01
	12.2. Trường trung cấp	Trường trung cấp và 01 Trung
	12.3. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp	tâm giáo dục nghề nghiệp.
	12.4. Doanh nghiệp	- % so với tổng số cơ sở tại mục
	12.5. Cơ sở đào tạo khác	(12): 100%.
		- 66,66% so với cùng kỳ năm trước.
	13. Số cán bộ, công chức xã được đào tạo bồi dưỡng	- Tổng số người trong kỳ báo cáo: 0. % so với kế hoạch năm và so với cùng kỳ năm trước. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 292 người. So sánh với chỉ tiêu kế hoạch trong Đề án.
	14. Tổng số kinh phí (triệu đồng) đã sử dụng	- Tổng số kinh phí trong kỳ báo cáo: 233,1 triệu đồng. 25,9% so với kế hoạch năm và % so với cùng kỳ năm trước. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 3.756.322.800 đồng. So sánh với chỉ tiêu kế hoạch kinh phí trong Đề án.
	14.1. Chia theo nguồn vốn	
	14.1.1. Ngân sách Trung ương	- Số kinh phí: 233,1 triệu đồng
	14.1.2. Ngân sách Địa phương	ngân sách Địa phương.
	14.1.3. Các nguồn khác	- 25,9% so với tổng số kinh phí tại mục (14.1). - % so với kế hoạch năm và so với thực hiện năm trước. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 3.756.322.800 đồng.
	14.2. Chia theo nội dung hoạt động	
	14.2.1. Kinh phí hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo nghề[9]	- Số kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo
	14.2.2. Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ	dưới 03 tháng cho lao động

Tên chỉ tiêu	Hướng dẫn chỉ tiêu	Kết quả thực hiện
	cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho lao động nông thôn	nông thôn: 233,1 triệu đồng. - % so với tổng số kinh phí tại mục (14.1).
	14.2.3. Kinh phí thực hiện các nội dung hoạt động khác về nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn	- % so với kế hoạch năm và so với thực hiện năm trước. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo.
	14.2.4. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức xã	+ Kinh phí tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động nông thôn: 18.100.000 đồng; + Kinh phí hỗ trợ lao động nông thôn học nghề: 3.713.080.000 đồng; + Kinh phí giám sát đánh giá tình hình thực hiện Đề án: 25.142.800 đồng.
	15. Số người được vay vốn hỗ trợ sản xuất sau học nghề (phân theo các nguồn: Ngân hàng Chính sách - Xã hội, Quỹ QG GQVL, Ngân hàng Nông nghiệp, Ngân hàng thương mại,...).	- Số người trong kỳ báo cáo: 0 người. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 0 người.
III. HIỆU QUẢ	16. Tổng số lao động nông thôn có việc làm sau học nghề	- Tổng số người trong kỳ báo cáo: 0 người. - 0% so với tổng số người được hỗ trợ học nghề tại mục (11.2). - 0% so với năm trước. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 1.519 người.
	16.1. Chia theo nghề học	
	16.1.1. Số lao động có việc làm sau học nghề nông nghiệp	- Tổng số người trong kỳ báo cáo: 0 người. - % so với tổng số người được hỗ trợ học nghề nông nghiệp tại mục (11.2.1). - % so với năm trước. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 596 người.
	16.1.2. Số lao động có việc làm sau học nghề phi nông nghiệp	- Tổng số người trong kỳ báo cáo: 0 người. - % so với tổng số người được hỗ trợ học nghề phi nông nghiệp tại mục (11.2.2). - % so với năm trước. - Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 923 người.
	16.2. Chia theo lĩnh vực công việc	
	16.2.1. Số lao động được doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc theo hợp đồng lao động	- Số người trong kỳ báo cáo: 0 người.
	16.2.2. Số lao động được doanh nghiệp nhận	- % so với tổng số người có

Tên chỉ tiêu	Hướng dẫn chỉ tiêu	Kết quả thực hiện
	<i>ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm</i>	việc làm sau học nghề tại mục
	16.2.3. Số lao động tiếp tục làm nghề cũ nhưng năng suất lao động, thu nhập tăng lên	(16). - % so với năm trước.
	16.2.4. Số lao động thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ/nhóm sản xuất...	- Lũy kế đến thời điểm báo cáo. + Số lao động được doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc
	16.2.5. Số lao động tự tạo việc làm	theo hợp đồng lao động là: 574 người, + Số lao động tự tạo việc làm là: 945 người.
	17. Số hộ gia đình có người tham gia học nghề được thoát nghèo	- Số hộ thoát nghèo lũy kế đến kỳ báo cáo: 52 hộ. - 20% so với số hộ có người nghèo được hỗ trợ học nghề.
	18. Số hộ gia đình có người tham gia học nghề trở thành hộ có thu nhập khá	- Số hộ có thu nhập khá lũy kế đến kỳ báo cáo: 929 hộ.